

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2026

*“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Khánh

2. Bà Lê Thị Vân Hương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Vũ .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại phòng xét xử số C, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2026/QĐST-DS ngày 06/8/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm 1981; nơi thường trú: tổ A, khu B, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi làm việc: Công ty Cổ phần C1; Địa chỉ: Lô A, Cụm C, thôn K, xã B, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Thu H; sinh năm 1991; nơi thường trú: tổ A, khu B, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ I, khu H (nay là khu H), phường H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Đặng Văn L trình bày:

Anh L và chị Phạm Thị Thu H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 02/10/2009 tại Ủy ban nhân dân phường H (nay là phường H) tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà bố mẹ vợ tại phường H cũ, sau đó chuyển về khu I phường H, Quảng Ninh sinh sống một thời gian, đến cuối năm 2010 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian tìm hiểu ít, khi đó vợ anh còn quá trẻ, vợ chồng không thống nhất trong việc chăm lo cho con. Hơn nữa do chung sống tại nhà vợ, nên giữa anh và các thành viên khác trong gia đình cũng thường xuyên mâu thuẫn. Sau khi chị H sinh con được khoảng 4-5 tháng thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên anh L đã đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống từ cuối năm 2010. Từ đó đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến đời sống của ai nữa, bản thân anh cũng không còn tình cảm với chị H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên anh viết đơn khởi kiện gửi đến Tòa án khu vực 1 - Quảng Ninh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để giải thoát cho nhau, sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị H có 01 người con chung là cháu Đặng Văn M, sinh ngày 07/7/2010. Khi đi khỏi nhà anh L đã đưa con đi cùng, anh là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M từ khi còn bé đến nay. Vì vậy khi ly hôn anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đặng Văn M đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không yêu cầu chị Phạm Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng chị Phạm Thị Thu H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh L, cũng không đến Tòa án để làm việc, không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2026 tại tổ I, khu G, phường H, tỉnh Quảng Ninh (nơi cư trú của chị H đăng ký tạm trú), tổ trưởng tổ dân cho biết: Chị Phạm Thị Thu H cư trú ở tổ I khu G (nay là khu H) phường H, tỉnh Quảng Ninh từ khoảng năm 2010 đến nay. Chị H sống cùng bố mẹ đẻ là ông Phạm Xuân H1 và bà Phạm Thị C. Qua tìm hiểu tổ dân phố biết thông tin chị H có chồng là anh Đặng Văn L và có 01 con trai. Tuy nhiên anh L và con trai chỉ ở cùng chị H 1 thời gian ngắn, sau đó không thấy anh L và con sinh sống ở tổ I, khu G, phường H cùng chị H nữa. Vì vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh L tổ dân không nắm được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi ý kiến con chung, cháu Đặng Văn M trình bày: cháu là con chung của mẹ Phạm Thị H và bố Đặng Văn L, nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn được ở cùng với bố vì cháu vẫn ở cùng bố, bố là người chăm sóc cho cháu từ nhỏ đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Văn L có mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị Thu H và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn; chị Phạm Thị Thu H được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn L: cho anh L được ly hôn chị Phạm Thị Thu H; về con chung: giao con chung Đặng Văn M, sinh ngày 07/7/2010 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Minh thành N (đủ 18 tuổi), chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[I]. thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Chị Phạm Thị Thu H có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Quảng Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng Hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Phạm Thị Thu H nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn L và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn theo anh L trình bày là do vợ chồng kết hôn khi thời gian tìm hiểu ngắn nên khi chung sống, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2010, mỗi người ở một nơi và có cuộc sống riêng đến nay đã nhiều năm, không ai quan tâm đến đời sống của ai, anh L không còn tình cảm với chị H, không thể tiếp tục duy cuộc hôn nhân giữa hai người nữa.

Lời khai của anh L phù hợp với biên bản xác minh tại tổ dân nơi chị H cư trú về việc chỉ có một mình chị H ở cùng bố mẹ đẻ, anh L và con không sống cùng. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án chị H mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc của tòa án nhiều lần nhưng đều không đến làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì. Điều này thể hiện chị H cũng không có mong muốn hòa giải đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của anh L và chị H đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đặng Văn L cho anh L được ly hôn với chị H là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Đối với yêu cầu của anh L về việc được trực tiếp nuôi con chung Đặng Văn M, sinh ngày 07/7/2010, thấy:

Theo bản xác nhận lương của Công ty phân chế biến lâm sản Ba Chẽ Quảng Ninh. Hiện anh L chức vụ Phó Trưởng Phòng, mức lương bình quân 11.000.000 đồng/01 tháng. Như vậy anh L có công việc thu nhập ổn định, có đủ khả năng nuôi con. Từ trước đến nay cháu M vẫn đang ở với bố, yêu cầu của anh L phù hợp với nguyện vọng của cháu M là được ở với bố, chị H cũng không có yêu cầu được nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: anh Đặng Văn L trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xét. Do chị H không tham gia tố tụng, nên chị H có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Đặng Văn L có nghĩa vụ nộp án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng Hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn L

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Đặng Văn L ly hôn với chị Phạm Thị Thu H.

2. Về con chung: giao con chung Đặng Văn M, sinh ngày 07/7/2010, cho anh Đặng Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chị Phạm Thị Thu H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom con chung Đặng Văn M không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: anh Đặng Văn L có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001367 ngày 01 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Anh L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn chị Phạm Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND Phường Hà Lâm, T. Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thủy